

HƯỚNG DẪN ĐĂNG KÝ VÀ SỬ DỤNG KYODAI Bank

MỤC LỤC

01 Những thứ cần chuẩn bị

P.2

02 Tải xuống

P.4

03 Bước 1 đăng ký mở tài khoản

P.5

04 Bước 2 Mở tài khoản (xác minh danh tính)

P.17

05 Bước 3 Đăng nhập lần đầu tiên

P.22

06 Cài đặt ban đầu

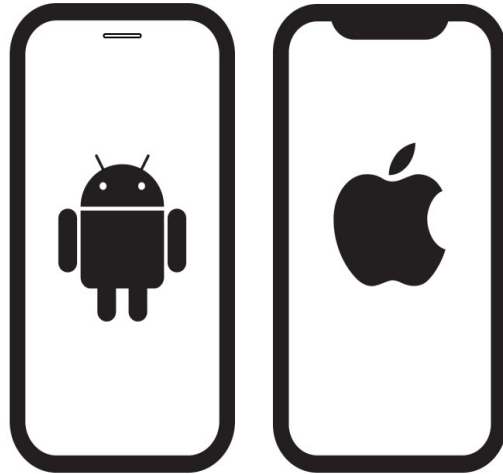
P.24

07 Hình ảnh sử dụng

P.39

01_Những thứ cần chuẩn bị

- **Điện thoại thông minh**

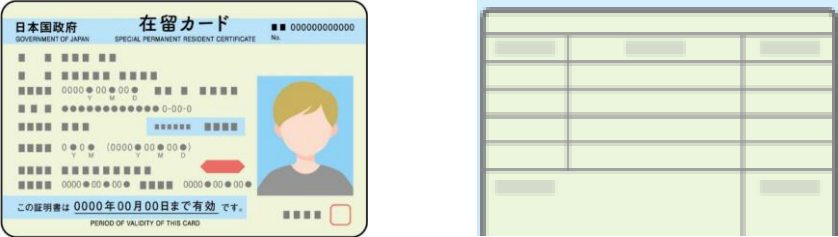


- **Địa chỉ email**



- Vui lòng chuẩn bị điện thoại thông minh của chính quý khách. ※Vui lòng không sử dụng điện thoại thông minh của công ty.
 - Vui lòng thiết lập "Cài đặt thư rác", "Cài đặt từ chối nhận thư" và "Cài đặt nhận thư từ miền chỉ định" để có thể nhận được các thư sau.
【@uibank.co.jp】 【@uibank.jp】
- * Do email của nhà mạng có thể bị hạn chế nhận, chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng địa chỉ "@icloud.com" hoặc "@gmail.com".

01_Những thứ cần chuẩn bị

	Xác minh danh tính bằng điện thoại thông minh
Người nước ngoài	Thẻ cư trú 

- Người nước ngoài vui lòng chuẩn bị "Thẻ cư trú". Người có quốc tịch Nhật Bản không thể mở tài khoản tại KYODAI Bank. Vui lòng mở tài khoản tiết kiệm thông thường tại UI Bank.

02_Tải xuống



Lưu ý!

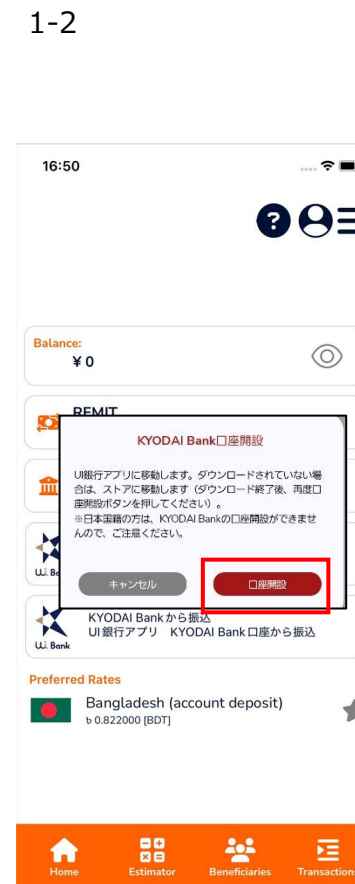
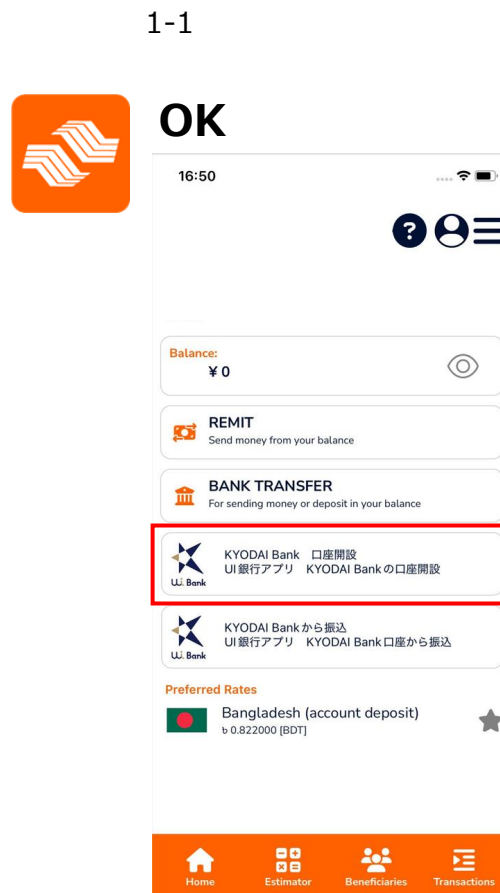
Hãy tải xuống ứng dụng UI Bank từ trang này
trước khi
bắt đầu thực hiện các bước sau.

Sử dụng camera của điện thoại thông minh
quét mã QR bên trái.

03_Bước 1 Mở tài khoản (đăng ký)

Chú ý!
Không phải ứng dụng ngân hàng UI,
mà hãy bắt đầu từ nút mở tài khoản
trong ứng dụng Kyodai.

KYODAI Bank



- 1-1 Nhấn vào "Mở tài khoản KYODAI Bank" trên ứng dụng Kyodai.
- 1-2 Xác nhận các lưu ý và nhấn vào "Mở tài khoản".
- 1-3 Đây là trang xác nhận các quy định sử dụng. Kéo xuống dưới màn hình.

03_Bước 1 Mở tài khoản (đăng ký)

1-4

1-5

1-6

1-7

- 1-4 Để xác nhận nội dung tài liệu giới thiệu sản phẩm, nhấn nút "Xác nhận".
- 1-5 Đọc bản tóm tắt sản phẩm hiển thị trên màn hình ứng dụng, nhấn vào "X" ở góc trên bên phải.
- 1-6 Xác nhận các ô trong tài liệu giới thiệu sản phẩm đã được đánh dấu. Tiếp tục xác nhận dịch vụ ứng dụng di động UI Bank, các điều khoản và điều kiện, vv...
- 1-7 Nhấn "Xác nhận" như ở bước 1-6 để xác nhận nội dung. Bạn có thể chọn "Chọn tất cả" để đánh dấu vào tất cả 7 mục.
Xác nhận tất cả các mục đã được đánh dấu và nhấn "Tiếp theo".

03_Bước 1 Mở tài khoản (đăng ký)

1-8

1-9

1-10

1-11

- 1-8 入力したメールアドレスを入力し、「認証番号を送信」をクリック。 ※入力したメールアドレスが正しくない場合は、5分以内に入力し直すことができません。
- 1-9 送信された認証番号を確認し、入力したメールアドレスに一致するかを確認する。
- 1-10 入力した認証番号を入力し、「認証」をクリック。
- 1-11 認証が完了し、次の画面に進む。

03_Bước 1 Mở tài khoản (đăng ký)

1-12

新規口座開設

情報をご入力ください。

お客様氏名 **入力**

生年月日 入力

電話番号 入力

性別 選択

国籍 選択

住所 入力

ご職業 選択

お取引の目的 選択

マイナンバーのお届出 選択

紹介ID/キャンペーンコード 入力 (任意)

次へ

1-13

新規口座開設

情報をご入力ください。

お客様氏名 入力

生年月日 入力

電話番号 入力

性別 選択

国籍 選択

住所 入力

お客様氏名入力

Tarou

Yamada

Tarou

Yamada

ご入力のお客様氏名が本人確認書類に記載の氏名と異なる場合、申込みいただけません。

次へ

1-14

新規口座開設

情報をご入力ください。

お客様氏名 Tarou Yamada

カナ氏名 Tarou Yamada

生年月日 2000/01/01

電話番号 入力

性別 選択

国籍 選択

住所 入力

生年月日入力

2000/01/01

16歳未満のお客様は申込みいただけません。

次へ

1-15

新規口座開設

情報をご入力ください。

お客様氏名 Tarou Yamada

カナ氏名 Taro Yamada

生年月日 2000/01/01

電話番号 入力

性別 選択

国籍 選択

住所 入力

電話番号入力

09012345678

自宅電話番号 (任意)

通話可能な電話番号をご入力ください。

次へ

1-12 Nhấn vào ô tên khách hàng. Nhấn vào bất kỳ vị trí nào trong ô màu đỏ để hiển thị màn hình nhập liệu.

1-13 Nhập tên và chữ cái Kana, nhấn "Tiếp theo".

1-14 Nhập ngày sinh và nhấn "Tiếp theo".

1-15 Nhập số điện thoại di động và nhấn "Tiếp theo".

03_Bước 1 Mở tài khoản (đăng ký)

1-16

新規口座開設

情報を
ご入力ください。

お客様氏名 Tarou Yamada
カナ氏名 タロウ ヤマダ

生年月日 2000/01/01

電話番号 09012345678

性別 男性

国籍 選択

住所 入力

ご職業 選択

お取引の目的 選択

選択 性別

男性

女性

1-17

新規口座開設

選択 国籍

Korea, Republic Of

China

Hong Kong

United Kingdom

Singapore

Viet Nam

India

Cambodia

Canada

Germany

1-18

新規口座開設

住所入力

107-0062

検索

Minami-Aoyama,
Minato-ku, Tokyo

0-0-0

建物名 (全角)

ご入力住所が本人確認書類に記載の住所と異なる場合、申込みいただけません。

次へ

1-19

新規口座開設

選択 ご職業

会社役員

会社員

公務員

個人事業主/自営業

契約職員

主婦/主夫

学生

退職された方/無職の方

その他

パート/アルバイト

年金受給者

- 1-16 Chọn giới tính.
- 1-17 Chọn quốc tịch.
- 1-18 Nhập địa chỉ và nhấn "Tiếp theo".
- 1-19 Chọn nghề nghiệp. ※Nếu có nơi làm việc, ô nhập tên nơi làm việc sẽ hiển thị.

03_Bước 1 Mở tài khoản (đăng ký)

1-20

新規口座開設

ご入力ください。

お客様氏名 Tarou Yamada
カナ氏名 Tarou Yamada

生年月日 2000/01/01

電話番号 09012345678

性別 男性

国籍 Hàn Quốc

選択 お取引の目的

生活費決済

給与および年金受取

貯蓄/財産運用

融資

その他

1-21

新規口座開設

ご入力ください。

お客様氏名 Tarou Yamada
カナ氏名 Tarou Yamada

生年月日 2000/01/01

電話番号 09012345678

性別 男性

国籍 Hàn Quốc

住所 1070062

ご職業 会社員

お取引の目的 生活費決済

マイナンバーのお届出

希望する 希望しない

希望する方には、別途の申込書をご送付します。

次へ

1-22

新規口座開設

ご入力ください。

お客様氏名 Tarou Yamada
カナ氏名 Taro Yamada

生年月日 2000/01/01

電話番号 09012345678

性別 男性

国籍 Hàn Quốc

住所 1070062

ご職業 会社員

紹介ID/キャンペーンコード入力 (任意)

●●●●

半角英数字でご入力ください。
お一つのIDのみご入力できます。
入力に誤りがある場合は反映されませんので、ご注意ください。

次へ

1-20 Chọn mục đích giao dịch.

1-21 Chọn đăng ký số My Number. ※Những người chọn "Muốn đăng ký" sẽ được gửi đơn đăng ký sau.

1-22 Nếu có ID giới thiệu hoặc mã chiến dịch, hãy nhập và nhấn "Tiếp theo".

03_Bước 1 Mở tài khoản (đăng ký)

1-23

1-24

1-25

- 1-23 Nếu bạn có tài khoản tại Ngân hàng Kiraboshi, hãy nhấn "Đăng ký", tìm kiếm tên chi nhánh và nhập 7 chữ số số tài khoản.
 1-24 Nhấn "Xác nhận", xác nhận đồng ý thỏa thuận. Chọn "Đồng ý" hoặc "Không đồng ý" và nhấn "Tiếp theo".
 1-25 Nhập mật khẩu 4 chữ số cần thiết để đăng nhập lần đầu tiên, nhấn "Tiếp theo".

03_Bước 1 Mở tài khoản (đăng ký)

1-26

< 新規口座開設

申し込み内容をご確認ください。

申し込み情報

メールアドレス	nikirahoshi@nibank.com
氏名	Tarou Yamada
カナ氏名	Tarou Yamada
生年月日	2000/01/01
携帯電話番号	09012345678
性別	男性
国籍	Hàn Quốc, Cộng hòa
郵便番号	1070062
住所	東京都港区南青山 0-0-0
ご職業	会社員
勤務先名(漢字)	株式会社U I 銀行
勤務先名(カナ)	カブシキガイシャユーアイギンコウ
お取引の目的	生活費決済

口座を開設する

1-27



口座開設の申込みが完了しました。

3日以内にご本人さま確認の申請を行ってください。

受付番号 2024030605032


ご本人さま確認の申請はこちら

ホームへ戻る

1-26 Xác nhận nội dung đăng ký, nếu không có vấn đề gì, nhấn "Mở tài khoản". Nếu có mục cần nhập lại, nhấn "<" ở trên cùng bên trái để quay lại trang tương ứng.

1-27 Nhấn vào "Đăng ký xác nhận danh tính tại đây".

04_Bước 2 Mở tài khoản (xác minh danh tính)

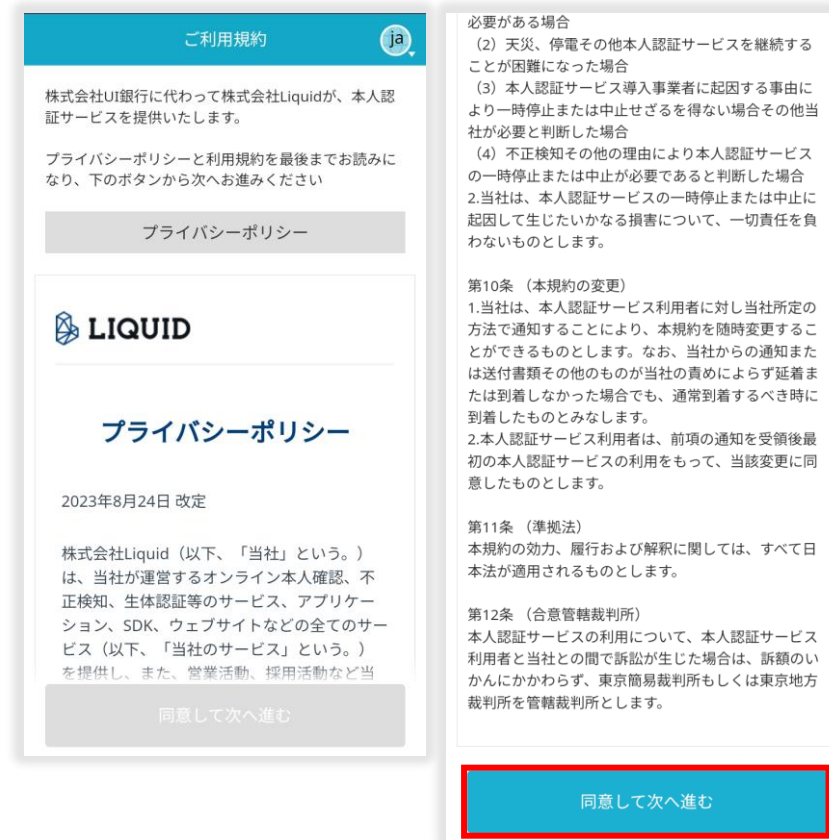
2-1



2-1 (Email)



2-2



- 2-1 Nhấn vào "Đăng ký xác minh danh tính tại đây" trên ứng dụng hoặc nhấn vào URL được gửi qua email. Bạn sẽ được chuyển đến trang web LIQUID.
- 2-2 Sau khi đọc xong điều khoản sử dụng, nút "Đồng ý và tiếp tục" sẽ chuyển sang màu xanh. Nhấn vào nút "Đồng ý và tiếp tục".

04_Bước 2 Mở tài khoản (xác minh danh tính)

2-3

ご本人確認書類の選択

ご提出いただくご本人確認書類の種類を選択してください。

ご本人確認書類を選択

☒ 在留カード

ご注意事項

- 申請の途中でブラウザを閉じた場合は、最初からやり直していただく必要があります。
- 規定時間内(60分以内)に完了しない場合は、最初からやり直していただく必要があります。
- 機種によってはカメラへのアクセス許可ポップアップが表示されます。撮影のために許可していただく必要があります。

☒ 注意事項を確認しました。

次へ進む

2-4

撮影 | マイナンバーカード・表面

表面



マイナンバーカードの外形が確認しやすいように背景は白以外で撮影します

撮影開始

2-5

撮影 | マイナンバーカード・表面

カメラモード 1



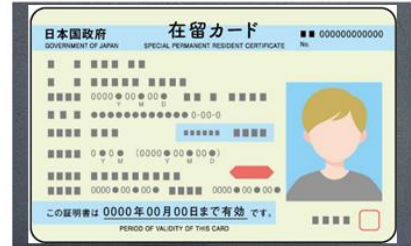
この証明書は 0000年00月00日まで有効です。

⊗ 上手く撮影できない場合、カメラモードを切り替えます

カメラモード 1

2-6

撮影画像の確認



下記項目を確認しチェックを入れてください

- ☒ 撮影した画像に光源が写り込んだり、白飛びしたりしていない
- ☒ 顔写真が鮮明であり、文字を正確に読み取ることができる

OK

再撮影

2-3 Chọn tài liệu xác minh danh tính, đánh dấu vào mục lưu ý, nhấn "Tiếp theo".

2-4 Nhấn "Bắt đầu chụp". *Hãy chú ý chọn nền không phải màu trắng và không bị lóa do ánh sáng chiếu vào bề mặt.

2-5 Nhấn "Biểu tượng máy ảnh".

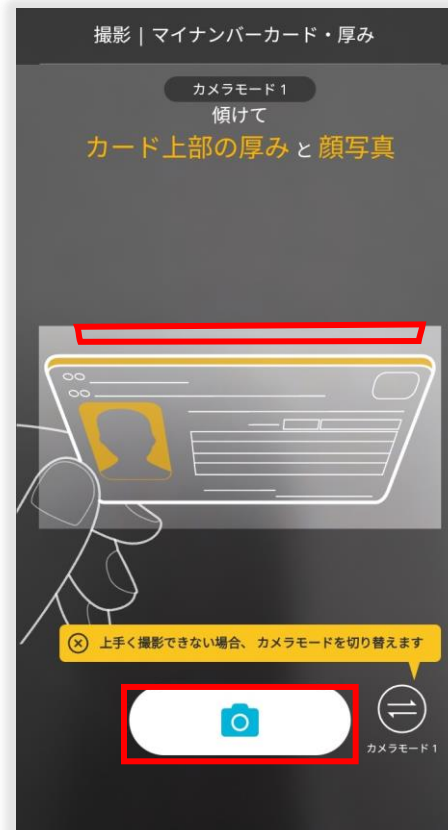
2-6 Nhấn "OK" hoặc "Chụp lại". Nếu chụp lại, hãy quay lại bước 2-4.

04_Bước 2 Mở tài khoản (xác minh danh tính)

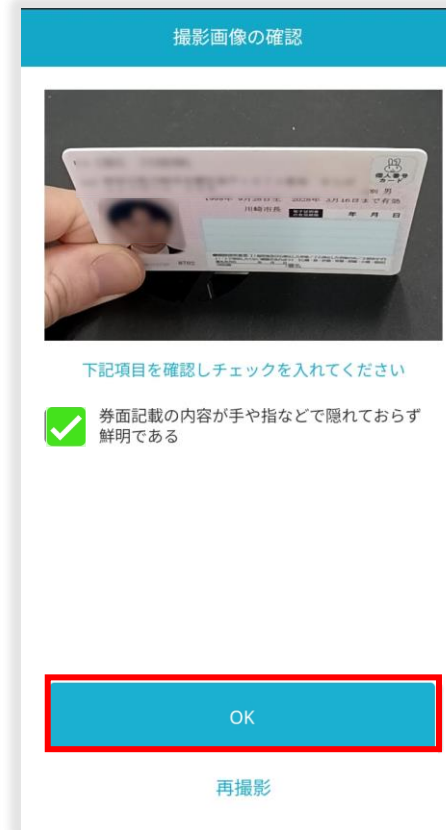
2-7



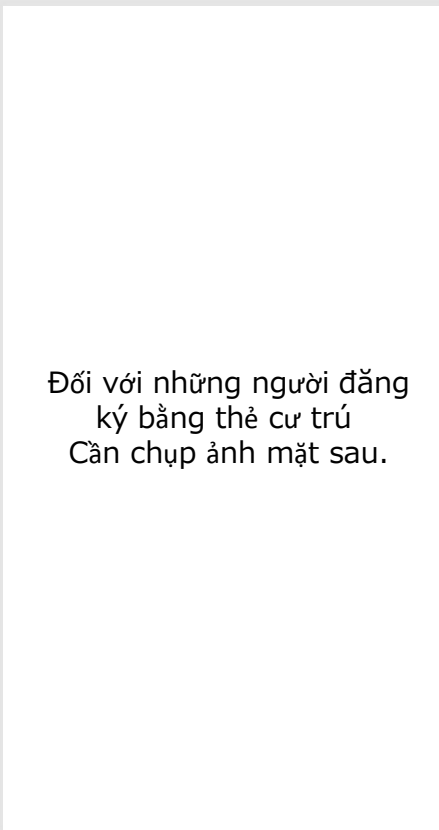
2-8



2-9



2-10



- 2-7 Nhấn "Bắt đầu chụp". *Vì cần kiểm tra độ dày của thẻ, nên hãy chú ý ngoại trừ những khoảng trống màu trắng, không để ngón tay che thông tin trên mặt thẻ.
- 2-8 Nhấn "Biểu tượng máy ảnh".
- 2-9 Nhấn "OK" hoặc "Chụp lại". Nếu chụp lại, hãy quay lại bước 2-7.
- 2-10 Đối với những người đăng ký bằng thẻ cư trú, cần chụp ảnh mặt sau thẻ.

04_Bước 2 Mở tài khoản (Xác minh danh tính)

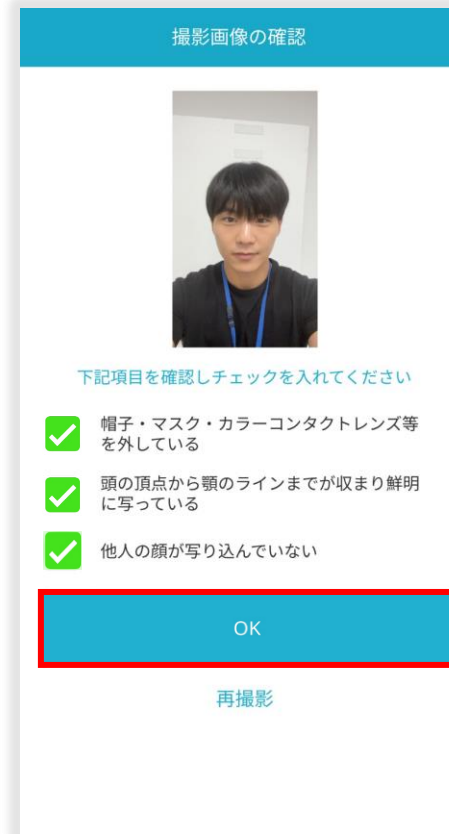
2-11



2-12



2-13



2-14



2-11 Nhấn "Bắt đầu chụp". *Chụp ảnh khuôn mặt từ phía trước. Nâng máy ảnh lên ngang với khuôn mặt.

2-12 Nhấn "Biểu tượng máy ảnh". *Hãy điều chỉnh khuôn mặt vào khung màu xanh.

2-13 Nhấn "OK" hoặc "Chụp lại". Nếu chụp lại, hãy quay lại bước 2-11.

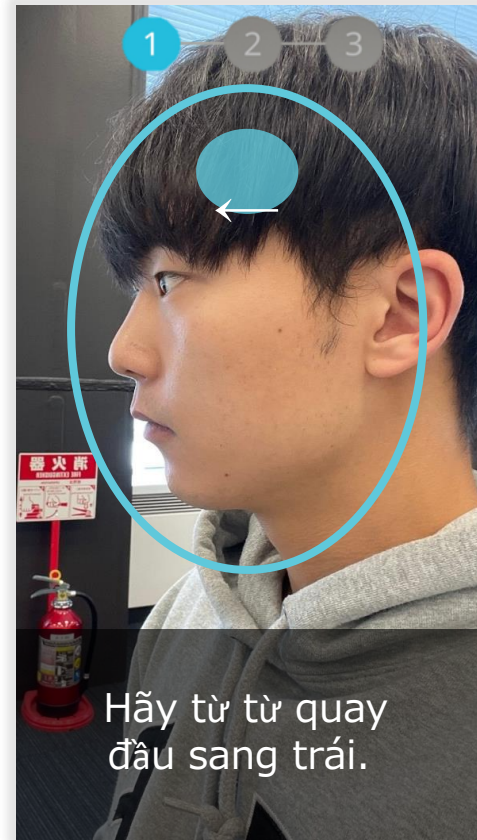
2-14 Nhấn "Bắt đầu chụp". *Chụp khuôn mặt theo chiều sâu. Quay mặt 3 lần theo hướng mũi tên hiển thị trên màn hình.

04_Bước 2 Mở tài khoản (Xác minh danh tính)

2-15



2-16



2-17



2-18



2-15 Nhấn "Bắt đầu". *Quay mặt 3 lần theo hướng mũi tên hiển thị trên màn hình.

2-16 Hãy từ từ quay mặt theo hướng mũi tên, sau đó quay lại hướng trực diện.

2-17 Khi quay mặt thành công, màn hình sẽ hiển thị "Thành công". Lặp lại động tác này 3 lần.

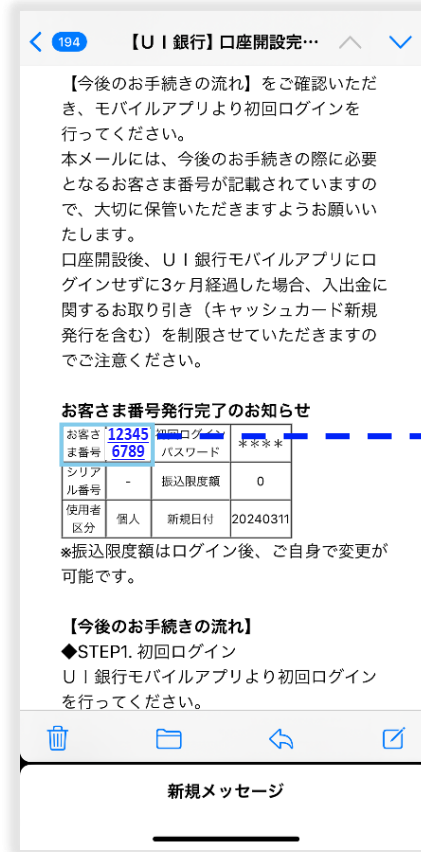
2-18. Trên màn hình "Đã nhận đơn đăng ký", quá trình xác minh danh tính đã hoàn tất. Đóng trang web LIQUID để kết thúc.

05_Bước 3 Đăng nhập lần đầu tiên

3-1



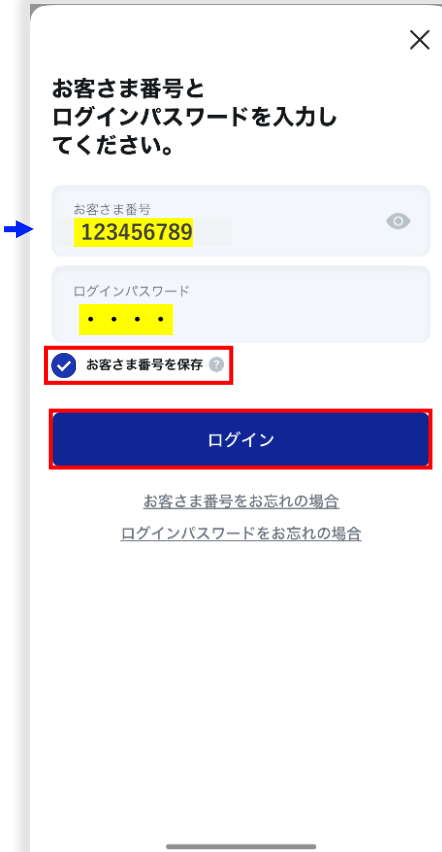
3-2



3-3



3-4



3-1 Bạn sẽ nhận được email có tiêu đề "【UI Bank】Hoàn tất mở tài khoản. Yêu cầu đăng nhập lần đầu".

3-2 mã xác nhận khách hàng được gửi đến email.

3-3 Nhấn nút đăng nhập.

3-4 Nhập mã khách hàng và mật khẩu đăng nhập lần đầu (4 chữ số). Đánh dấu vào ô "Lưu mã khách hàng" và nhấn nút "Đăng nhập".

05_Bước 3 Đăng nhập lần đầu tiên

3-5

3-6

3-5 Hãy thay đổi mật khẩu đăng nhập lần đầu (4 chữ số) thành mật khẩu đăng nhập (Với 8~12 chữ cái và chữ số).

3-6 Sau khi đăng nhập lần đầu, bạn có thể xác nhận tên chi nhánh và số tài khoản tiết kiệm. Lúc này, tài khoản tiết kiệm của bạn đã có thể sử dụng được.

06_Cài đặt ban đầu Mật khẩu dùng một lần

Wa-1



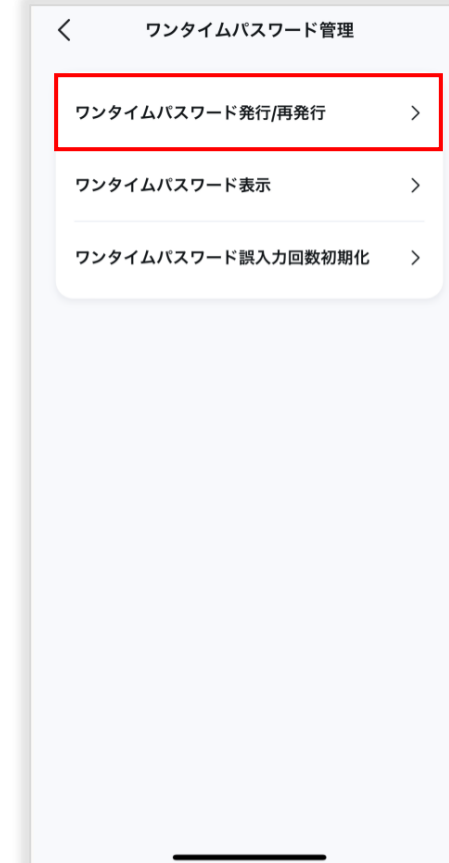
Wa-2



Wa-3



Wa-4

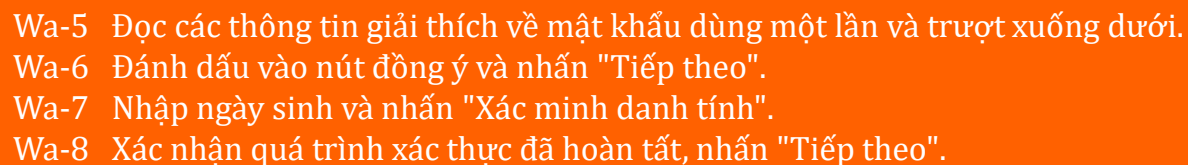


Wa-1 Nhấn "Menu".

Wa-2 Nhấn 「Bảo mật/Xác thực」.

Wa-3 Nhấn 「Quản lý mật khẩu dùng một lần」.

Wa-4 Nhấn 「Phát hành/Phát hành lại mật khẩu dùng một lần」.



06_Cài đặt ban đầu Mật khẩu dùng một lần

Wa-9

< ワンタイムパスワード発行/再発行

PIN番号を設定する

- 今後のお取引やお手続きの際に必要なワンタイムパスワードを生成するためのPIN番号を設定してください
- 数字6桁をご入力後、[発行/再発行]を押してください。
- このPIN番号はお取引やお手続きの際に、ワンタイムパスワードを生成する都度必要となりますので、お忘れにならないようご注意ください。

PIN番号設定

PIN番号 (6桁)

PIN番号 (6桁・確認)

① 再発行の場合は、現在ご利用のPIN番号や登録した臨時PIN番号を設定することも可能です。

利用案内

- 4桁以上連続する数字や数字の繰り返しなどセキュリティ上で登録いただけない数字がございます。万が一ご入力いただいた数字の組み合わせで設定できない場合は、別の組み合わせでの

発行/再発行

Wa-10

< ワンタイムパスワード発行/再発行

PIN番号を設定する

- 今後のお取引やお手続きの際に必要なワンタイムパスワードを生成するためのPIN番号を設定してください
- 数字6桁をご入力後、[発行/再発行]を押してください。

PIN番号6桁入力

4 5 9

7 3 2

8 1 0

6

Wa-11

< ワンタイムパスワード発行/再発行

PIN番号を設定する

- 今後のお取引やお手続きの際に必要なワンタイムパスワードを生成するためのPIN番号を設定してください
- 数字6桁をご入力後、[発行/再発行]を押してください。
- このPIN番号はお取引やお手続きの際に、ワンタイムパスワードを生成する都度必要となりますので、お忘れにならないようご注意ください。

PIN番号設定

PIN番号 (6桁)

PIN番号 (6桁・確認)

① 再発行の場合は、現在ご利用のPIN番号や登録した臨時PIN番号を設定することも可能です。

利用案内

- 4桁以上連続する数字や数字の繰り返しなどセキュリティ上で

発行/再発行

Wa-12

ワンタイムパスワードが発行/再発行されました。

安全な取引のため、再ログイン後にご利用ください。

確認

Wa-9 Đặt mã PIN (6 chữ số).

Wa-10 Nhập mã PIN (6 chữ số).

Wa-11 Nhập lại mã PIN để xác nhận. Xác nhận thông tin và nhấn "Phát hành/Phát hành lại".

Wa-12 Nhấn "Xác nhận" và đăng nhập lại.

06_Cài đặt ban đầu Smartphone ATM

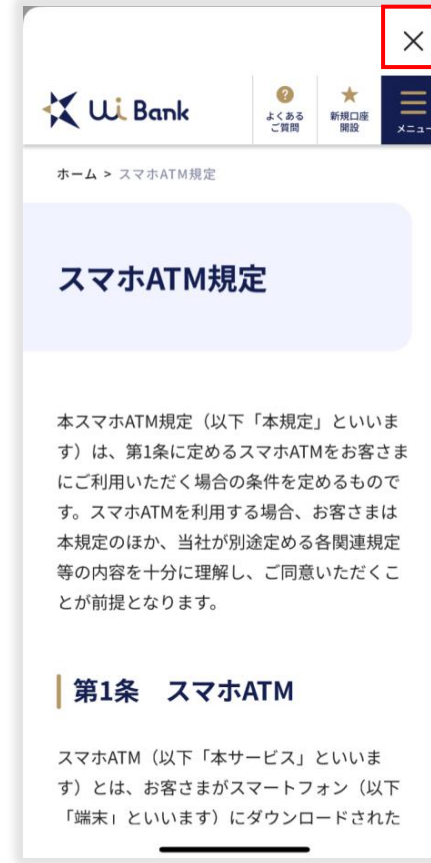
Su-1



Su-2



Su-3



Su-4



Su-1 Nhấn "Smartphone ATM".

Su-2 Nhấn "Xác nhận" quy định về ATM trên điện thoại thông minh.

Su-3 Đọc quy định về ATM trên điện thoại thông minh hiển thị trên màn hình ứng dụng, nhấn vào "X" ở góc trên bên phải.

Su-4 Xác nhận ô quy định về ATM trên điện thoại thông minh đã được đánh dấu. Tiếp tục, đánh dấu vào ô đồng ý và nhấn "Đồng ý".

06_Cài đặt ban đầu ATM trên điện thoại thông minh

Su-5

スマホATM
取引暗証番号を
設定してください。

銀行名 UI銀行
支店名 マーキュリー支店
口座種別 普通預金
口座番号 123456767

取引暗証番号
スマホATM取引暗証番号は、ATMからQR出金するときに使用する暗証番号です。他人に推測されにくい4桁の番号をご登録ください。

暗証番号4桁入力

暗証番号確認

設定する

Su-6

スマホATM
取引暗証番号を
設定してください。

スマホATM
暗証番号(4桁)

4 5 9
7 3 2
8 1 0
6

Su-7

スマホATM
取引暗証番号を
設定してください。

銀行名 UI銀行
支店名 マーキュリー支店
口座種別 普通預金
口座番号 2560206

取引暗証番号
スマホATM取引暗証番号は、ATMからQR出金するときに使用する暗証番号です。他人に推測されにくい4桁の番号をご登録ください。

暗証番号4桁入力
暗証番号確認

設定する

Su-8

ワンタイムパスワード発行/再発行

PIN番号を設定する

• 今後のお取引やお手続きの際に必要なワンタイムパスワードを生成するためのPIN番号を設定してください
• 数字6桁を入力後「発行/再発行」を押してください

PIN番号6桁入力

4 5 9
7 3 2
8 1 0
6

Su-5 Đặt mật mã giao dịch ATM trên điện thoại thông minh. Nhấn vào ô mật mã.

※QR code là nhãn hiệu đã đăng ký của Công ty TNHH Denso Wave.

Su-6 Nhập mật mã (4 chữ số). *Không thể đăng ký các số dễ đoán như ngày sinh.

Su-7 Nhập lại mã PIN để xác nhận và nhấn "Cài đặt".

Su-8 Nhập mã PIN.

06_Cài đặt ban đầu ATM trên điện thoại thông minh

Su-9



Su-9 Cài đặt ATM trên điện thoại thông minh đã hoàn tất. *ATM trên điện thoại thông minh có thể sử dụng ngay lập tức.

06_Cài đặt ban đầu Thẻ ATM (tùy chọn)

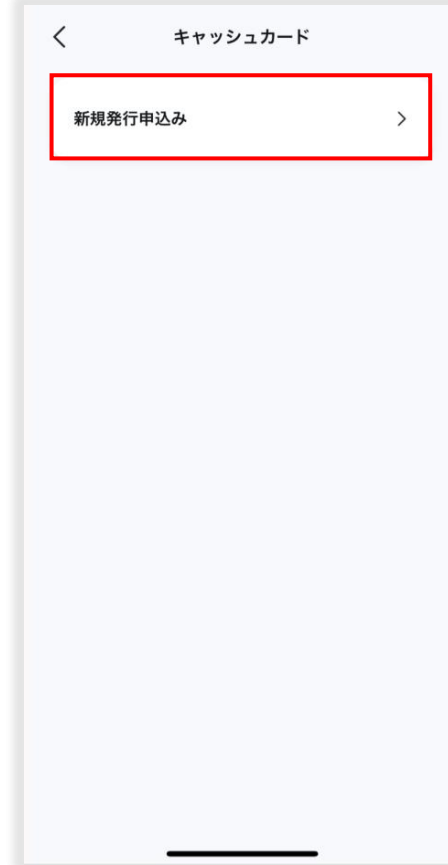
ki-1



ki-2



ki-3



ki-4



Ki-1 Nhấn nút "Menu".

Ki-2 Nhấn "Thẻ ATM".

Ki-3 Nhấn vào "Đăng ký phát hành mới".

Ki-4 Hướng dẫn sử dụng ATM trên điện thoại thông minh sẽ hiển thị, nhấn vào "x" ở góc trên bên phải.

06_Cài đặt ban đầu Thẻ ATM (tùy chọn)

ki-5

ki-6

ki-7

ki-8

Ki-5 Nhấn nút "Xác nhận" trong quy định về thẻ ATM.

Ki-6 Đọc quy định về thẻ ATM hiển thị trên màn hình ứng dụng, nhấn vào "×" ở góc trên bên phải.

Ki-7 Xác nhận rằng ô quy định thẻ ATM đã được đánh dấu. Tiếp tục nhấn "Xác nhận" trong hướng dẫn phát hành mới.

Ki-8 Đọc hướng dẫn về thẻ ATM của ngân hàng UI hiển thị trên màn hình ứng dụng, nhấn vào "×" ở góc trên bên phải.

06_Cài đặt ban đầu Thẻ ATM (tùy chọn)

ki-9

新規発行申込み

✓ キャッシュカードの規定 確認

✓ 新規発行に当たってのご案内 確認

口座開設を申込みされたお客さまは、こちらからキャッシュカードの申込みができます。

本申込みはキャンセルができません。

申込みをされたキャッシュカードは、転送不要の書留郵便でお届けの住所へ郵送いたします。

キャッシュカードの到着には1~10日ほどかかります。

現住所が当社にお届けの住所と異なる場合は、本申込みに先立って住所変更のお手続きを完了していただきますようお願いいたします。

キャッシュカード規定とキャッシュカードのご案内を必ずお読みください。

☒ キャッシュカードに関するご案内及び発行/再発行に関する注意事項を十分理解し、すべての内容に同意します。

次へ

ki-10

新規発行申込み

ご住所をご確認のうえ、暗証番号を入力してください。

郵便番号
1070062

都道府県・市区町村（全角）
東京都港区南青山

丁目・番地（全角）
0-0-0

建物名（全角）
きらぼし銀行

☒ 住所に変更がある場合は再発行の申込みに先立ち、お手続きください。

キャッシュカード暗証番号

暗証番号(4桁)

次へ

ki-11

新規発行申込み

キャッシュカード暗証番号

暗証番号(4桁)

暗証番号（4桁・確認）

☒ 今回新しく発行するキャッシュカードの暗証番号の数字4桁を2回入力してください。

利用案内

- 他人に推測されにくい4桁の番号をご登録ください。
- 以下の番号はご登録できません。
 - ご本人の生年月日の番号の組み合わせ
 - 電話番号、携帯電話番号
 - 同じ数字4桁、連続する数字4桁
例) 0000、1234等
- 住所や車のナンバー等推測されやすい番号はご登録できません。

次へ

ki-12

新規発行申込み

キャッシュカード暗証番号

暗証番号(4桁)

暗証番号(4桁)

4 5 9

7 3 2

8 1 0

6

次へ

Ki-9 Đánh dấu vào ô đồng ý và nhấn "Tiếp theo".

Ki-10 Xác nhận địa chỉ của bạn. ※Đây là địa chỉ nhận thẻ ATM, vì vậy nếu có thay đổi địa chỉ, vui lòng thực hiện thủ tục thay đổi địa chỉ trước.

Ki-11 Đặt mật mã thẻ ATM. Nhấn vào ô mật mã.

Ki-12 Nhập mật mã (4 chữ số). ※Không sử dụng mật mã dễ đoán hoặc ngày sinh.

06_Cài đặt ban đầu Thẻ ATM (tùy chọn)

Lưu ý!

Thẻ sẽ được gửi bằng thư bảo đảm. Nếu bạn không có ở nhà, thông báo vắng mặt sẽ được để lại trong hộp thư, vì vậy hãy nhớ nhận thẻ.

KYODAI Bank

ki-13

< 新規発行申込み

キャッシュカード暗証番号

暗証番号 (4桁)

暗証番号 (4桁・確認)

① 今回新しく発行するキャッシュカードの暗証番号の数字4桁を2回入力してください。

利用案内

- 他人に推測されにくい4桁の番号をご登録ください。
- 以下の番号はご登録できません。
 - ご本人の生年月日の番号の組み合わせ
 - 電話番号、携帯電話番
 - 同じ数字4桁、連続する数字4桁
例) 0000、1234等
- 住所や車のナンバー等推測されやすい番号はご登録できません。

次へ

ki-14

< 新規発行申込み

入力された情報をご確認ください。

郵便番号 1070062

住所 東京都港区南青山 0-0-0
きらぼし銀行

新規発行申込み

ki-15

< 新規発行申込み

入力された情報をご確認ください。

郵便番号 1070062

PIN番号入力

7 9 6

0 2 4

1 8 5

3

新規発行申込み

ki-16

キャッシュカード発行申込みが完了しました。

本申込みはキャンセルできません。
申込みをされたキャッシュカードは、転送不要の書留郵便でお届けのご住所へ郵送いたします。
キャッシュカードの到着には1~10日ほどかかります。

利用案内

ご不明な点がある場合はコンタクトセンターまでお問い合わせください。

ホームに戻る

Ki-13 Nhập mã PIN (4 chữ số), nhập lại mã PIN để xác nhận, nhấn "Tiếp theo".

Ki-14 Xác nhận nội dung và nhấn "Đăng ký phát hành mới".

Ki-15 Nhập mã PIN.

Ki-16 Đăng ký phát hành thẻ ATM đã hoàn tất. *Thẻ ATM sẽ đến tay bạn trong vòng 1 tuần đến 10 ngày.

06_Cài đặt ban đầu Thay đổi giới hạn chuyển khoản



Fu-1 Nhấn "Menu".

Fu-2 Nhấn "Thay đổi hạn mức".

Fu-3 Nhấn vào "Thay đổi giới hạn chuyển khoản".

Fu-4 Nhập giới hạn cho mỗi lần và giới hạn cho mỗi ngày, sau đó nhấn "Tiếp theo". *Giới hạn cho cả hai là 10 triệu yên.

06_Cài đặt ban đầu Thay đổi giới hạn chuyển khoản

Fu-5

< 振込限度額変更

設定可能な当行/他行振込限度額

1回あたりの限度額	10,000,000円
1日あたりの限度額	10,000,000円

PIN 番号入力

7 9 6

0 2 4

1 8 5

↺ 3 ↻

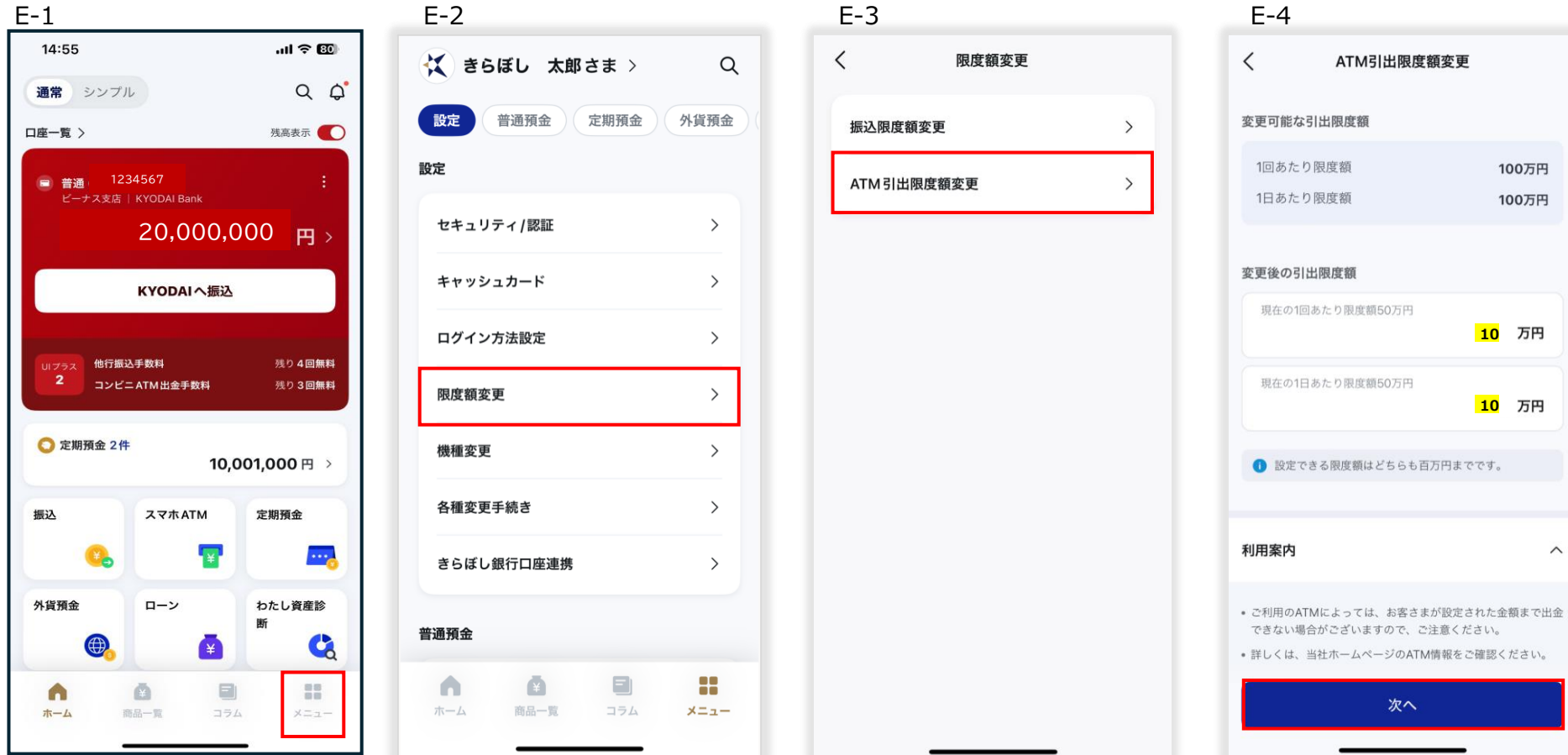
Fu-6



Fu-5 入力 mã PIN.

Fu-6 Giới hạn chuyển khoản đã được thay đổi.

06_Cài đặt ban đầu Thay đổi giới hạn rút tiền ATM



E-1 Nhấn vào menu.

E-2 Nhấn vào "Thay đổi hạn mức".

E-3 Nhấn "Thay đổi giới hạn rút tiền ATM". *Nếu bạn không sử dụng thẻ ATM hoặc dịch vụ ATM trên điện thoại thông minh, bạn sẽ được chuyển đến màn hình cài đặt ATM trên điện thoại thông minh.

E-4 Nhập giới hạn rút tiền sau khi thay đổi và nhấn "Tiếp theo".

06_Cài đặt ban đầu Thay đổi giới hạn rút tiền ATM

E-5

< ATM引出限度額変更

変更可能な引出限度額

1回あたり限度額 100万円

1日あたり限度額 100万円

PIN番号入力

7 9 6

0 2 4

1 8 5

↩ 3 ⌂

E-6



E-5 Nhập mã PIN.

E-6 Giới hạn rút tiền ATM đã được thay đổi.

06_Cài đặt ban đầu Cài đặt phương thức đăng nhập

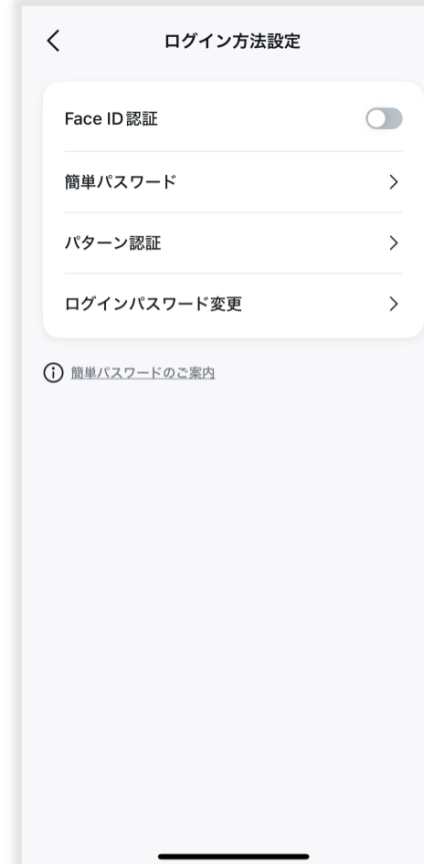
Ro-1



Ro-2



Ro-3



Ro-4



Ro-1 Nhấn vào "Menu".

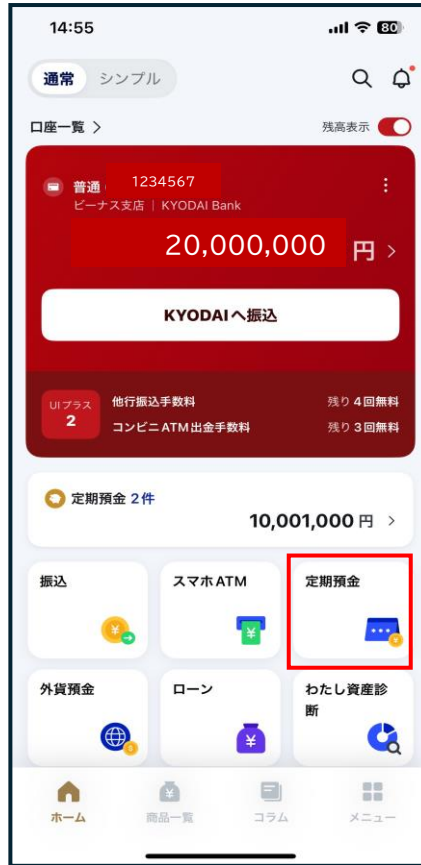
Ro-2 Nhấn vào "Cài đặt phương thức đăng nhập".

Ro-3 Tùy chọn phương thức đăng nhập. *Mật khẩu sẽ không thay đổi khi thay đổi phương thức đăng nhập, vì vậy hãy nhớ mật khẩu của bạn.

Ro-4 Nhập mã PIN để hoàn tất việc thay đổi phương thức đăng nhập.

07_Hình ảnh sử dụng Tạo tiền gửi có kỳ hạn

Te-1



Te-2



Te-3



Te-4



- Te-1 Nhấn vào "Tiền gửi có kỳ hạn".
- Te-2 Nhấn vào ô thời hạn. Nhấn vào bất kỳ vị trí nào trong ô màu đỏ sẽ hiển thị màn hình nhập liệu.
- Te-3 Chọn thời hạn.
- Te-4 Chọn cách xử lý khi đến hạn.

07_Hình ảnh sử dụng Tạo tiền gửi có kỳ hạn

Te- 5

<

新規申込み

定期預金（スーパー定期）

申込む

⊕

出金口座 普通預金

1234567

残高10,000,000円

📅

期間 1年

▼

×

普通預金 1234567

残高 10,000,000 円

1.000.000

yên

次へ

1	2	3
4	5	6
7	8	9
00	0	⌵

Te- 6

<

新規申込み

定期預金（スーパー定期）
申込む

⊖

出金口座 普通預金

1234567 | 残高10,000,000円

📅

期間 1年 ▾

満期日 | 2025/03/12

☒

満期時の取扱い
自動継続元加型 ▾

💰

お預入れ金額 1,000,000円 ▾

金利計算

次へ

Te- 7

<

新規申込み

定期預金（スーパー定期）
申込む

➡

出金口座

普通預金

1234567 | 残高10,000,000円

📅

期間

1年

▼

満期日 | 2025/03/12

☑️

満期時の取扱い

自動継続元加型

▼

💰

お預入れ金額

1,000,000円

▼

金利計算

⊗

金利

0.35%

次へ

Te-8

<

新規申込み

申込み内容をご確認ください。

申込み情報

商品名	定期預金（スーパー定期）
出金口座	マツダリー支店 thuong 1234567
期間	1年
お預入れ金額	1,000,000円
金利	0.35%
満期時の取扱い	自動継続元加型

新規申込み

Te-5 Nhập số tiền và nhấn "Tiếp theo".

Te-6 Nhấn vào tính toán lãi suất.

Te-7 Xác nhận lãi suất.

Te-8 Xác nhận nội dung đăng ký và nhấn "Đăng ký mới".

07_Hình ảnh sử dụng Tạo tiền gửi có kỳ hạn

Te-9

< 新規申込み

申込み内容をご確認ください。

申込み情報

PIN 番号入力

● ● ● ● ● ●

4	7	6
8	0	1
9	3	2
↺	5	⌫

Te-10



定期預金（スーパー定期）の申込みが完了しました。

商品名	定期預金（スーパー定期）
出金口座	マーキュリー支店 普通 1234567
期間	1年
お預入れ金額	1,000,000円
金利	0.35%
満期時の取扱い	自動継続元加型

[口座一覧へ](#)[ホームへ戻る](#)

Te-9 入力 mã PIN.

Te-10 Đăng ký tiền gửi có kỳ hạn đã hoàn tất.

07_Hình ảnh sử dụng Hủy hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn

Te-11



Te-12



Te-13



Te-14



Te-11 Nhấn nút "Menu".

Te-12 Nhấn vào "Hủy hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn".

Te-13 Xác nhận thông tin tài khoản tiền gửi có kỳ hạn mà bạn muốn hủy.

07_Hình ảnh sử dụng Hủy hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn

Te-15

< 定期預金解約

解約される口座の
情報をご確認ください。

商品基本情報

商品名	定期預金-スーパー定期
口座番号	マーキュリー支店 Tiền gửi có kỳ hạn 1234567
開設日	2024/03/14
満期日	2025/03/14
残高	100,000円

取引情報

解約区分	中途解約
預金利息	0円
税金金額	0円
合計金額	100,000円
入金口座	マーキュリー支店 普通 1234567

定期預金解約

Te-16

< 定期預金解約

解約される口座の
情報をご確認ください。

商品基本情報

PIN 番号入力

3 8 1

5 0 7

2 9 6

4

Te-17

定期預金の
解約手続きが完了しました。

商品基本情報

商品名	定期預金-スーパー定期
口座番号	マーキュリー支店 定期 1234567
開設日	2024/03/14
満期日	2025/03/14
残高	100,000円

取引情報

続けて解約する 解約済口座へ

Te-15 Xác nhận nội dung và nhấn "Hủy hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn".

Te-16 Nhập mã PIN.

Te-17 Thủ tục hủy hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn đã hoàn tất.

07_Hình ảnh sử dụng Chuyển khoản

Fu-1



Fu-2



Fu-3



Fu-4



Fu-1 Nhấn "Chuyển khoản".

Fu-2 Nhấn vào "Địa chỉ chuyển khoản mới".

Fu-3 Nhấn vào "Tài khoản chuyển khoản tới". Nhấn vào bất kỳ vị trí nào trong khung màu đỏ để hiển thị màn hình nhập liệu.

Fu-4 Chọn tổ chức tài chính.

07_Hình ảnh sử dụng Chuyển khoản

Fu-5

Fu-6

Fu-7

Fu-8

- Fu-5 Nhập tên chi nhánh và nhấn "Tra cứu". Chọn tên chi nhánh từ danh sách đề xuất.
- Fu-6 Nhập số tài khoản và nhấn "Xác nhận thông tin người nhận".
- Fu-7 Nhập số tiền và nhấn "Tiếp theo".
- Fu-8 Nhập tên người yêu cầu chuyển khoản và nhấn "Tiếp theo".

07_Hình ảnh sử dụng Chuyển khoản

Fu-9

< 振込手続き

ｷｮｰﾀﾞｲ ｼｻﾏに
100,000円を
振り込みますか。

振込情報

出金口座	UI銀行 マーキュリー支店 普通預金 1234567
振込先口座	ｷｮｰﾀﾞｲ ｼｻﾏ支店 普通預金 1234567
振込金額	100,000円
手数料	0円
振込依頼人名	ﾁ-ﾂｲ
日中ご連絡先電話番号	

⚠

お振込を実施いたします。※ただし、お受取人さまの金融機関・口座状態によっては、即時入金できない場合があります。

確認

Fu-10

< 振込手続き

ｷｮｰﾀﾞｲ ｼｻﾏに
100,000円を
振り込みますか。

振込情報

出金口座	UI銀行 マーキュリー支店 普通預金 1234567
振込先口座	ｷｮｰﾀﾞｲ ｼｻﾏ支店 普通預金 1234567
振込金額	100,000円
手数料	0円
振込依頼人名	ﾁ-ﾂｲ
日中ご連絡先電話番号	

振込

Fu-11

< 振込手続き

ｷｮｰﾀﾞｲ ｼｻﾏに
100,000円を
振り込みますか。

PIN 番号入力

● ● ● ● ● ●

2	9	3
7	0	8
5	1	4
↺	6	✕

Fu-12

➡

ｷｮｰﾀﾞｲ ｼｻﾏに
100,000円の
振り込みました。

振込情報

出金口座	UI銀行 マーキュリー支店 普通預金 1234567
振込先口座	ｷｮｰﾀﾞｲ ｼｻﾏ支店 普通預金 1234567
振込金額	100,000円
手数料	0円
振込依頼人名	ﾁ-ﾂｲ

入出金明細へ

ホームへ戻る

Fu-9 Đọc nội dung cảnh báo và nhấn "Xác nhận".

Fu-10 Xác nhận thông tin chuyển khoản và nhấn "Chuyển khoản".

Fu-11 Nhập mã PIN.

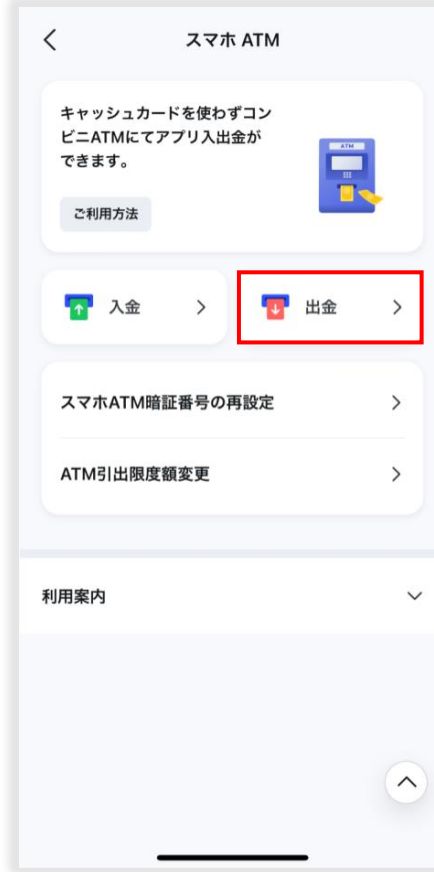
Fu-12 Thủ tục chuyển khoản đã hoàn tất.

07_Hình ảnh sử dụng Smartphone ATM

Su-1



Su-2



Su-3



Su-4



Su-1 Nhấn vào "ATM trên điện thoại thông minh".

Su-2 Nhấn "Rút tiền".

Su-3 Nhấn "Tiếp theo". *QR code là nhãn hiệu đã đăng ký của Công ty TNHH Denso Wave.

Su-4: Nhập mã PIN.

07_Hình ảnh sử dụng ATM trên điện thoại thông minh

Su-5



Su-6



Su-7



Su-5 Chọn "Giao dịch bằng điện thoại thông minh" tại ATM của Seven Bank và Lawson Bank.

Su-6 Đọc mã QR hiển thị trên màn hình ATM. *Mã QR là nhãn hiệu đã đăng ký của Công ty TNHH Denso Wave.

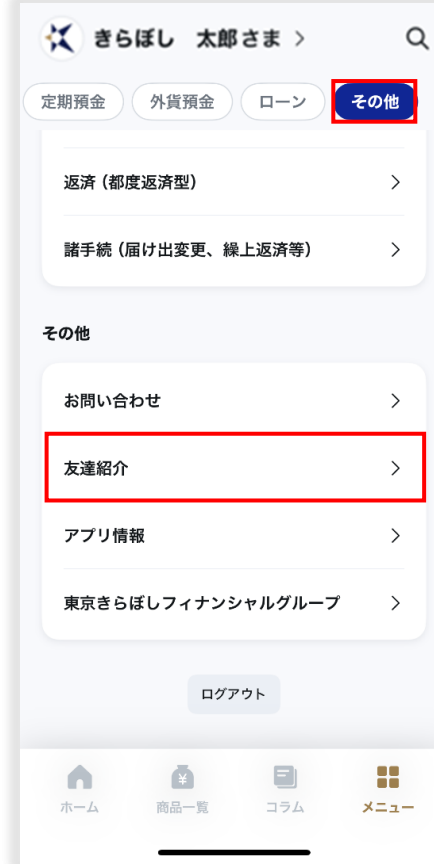
Su-7 Nhập 4 chữ số mã công ty hiển thị trên màn hình điện thoại thông minh. *Sau đó, hãy tiến hành thủ tục theo hướng dẫn trên màn hình ATM.

07_Hình ảnh sử dụng Chương trình giới thiệu gia đình và bạn bè

Shi-1



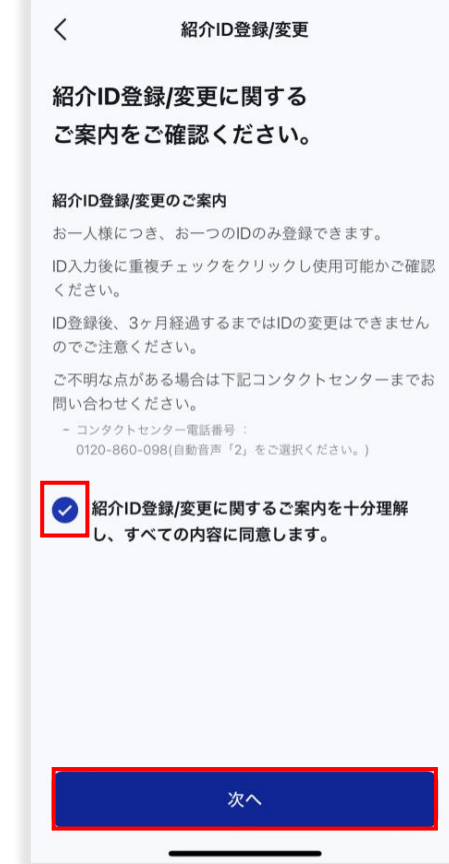
Shi-2



Shi-3



Shi-4



- Shi-1 Nhấn vào menu.
- Shi-2 Nhấn vào "Giới thiệu bạn bè" trong mục "Khác".
- Shi-3 Nhấn vào "Đăng ký/Thay đổi ID giới thiệu".
- Shi-4 Đánh dấu vào ô đồng ý và nhấn "Tiếp theo".

07_Hình ảnh sử dụng Chương trình giới thiệu gia đình và bạn bè

Shi-5

Shi-6

Shi-7

Shi-5 Trong ô đăng ký/thay đổi ID giới thiệu, nhập ID tùy ý gồm tối đa 12 ký tự chữ và số, sau đó nhấn "Kiểm tra trùng lặp".

Shi-6 Xác nhận kiểm tra trùng lặp đã hoàn tất, nhấn "Đăng ký/thay đổi ID giới thiệu".

Shi-7 Đăng ký ID giới thiệu đã hoàn tất. Hãy chia sẻ ID giới thiệu với gia đình và bạn bè của bạn.

07_Hình ảnh sử dụng Nếu bạn quên số khách hàng

O-1



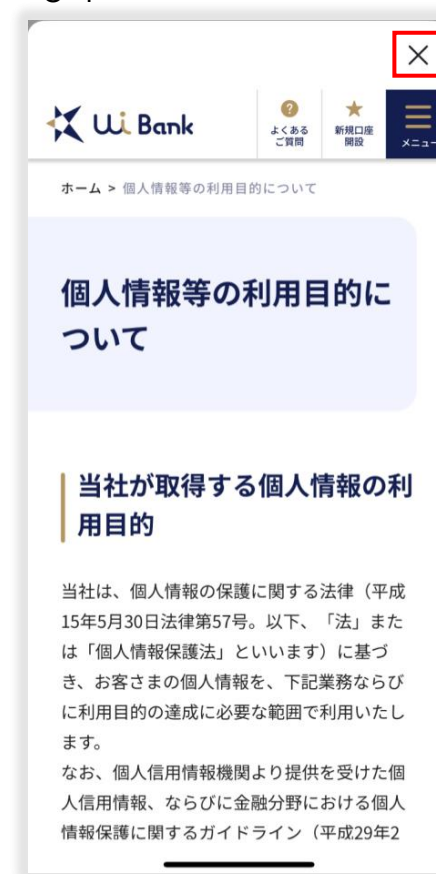
O-2



O-3



O-4



O-1. Nhấn "Đăng nhập".

O-2. Nhấn vào "Quên số khách hàng".

O-3. Nhấn vào "Xác nhận".

O-4. Đọc mục đích sử dụng thông tin cá nhân được hiển thị trên màn hình ứng dụng, nhấn vào "X" ở góc trên bên phải.

07_Hình ảnh sử dụng Nếu quên số khách hàng

O-5

O-6

O-7

O-8

O-5 Xác nhận đã đánh dấu vào ô mục đích sử dụng thông tin cá nhân.

O-6 Đánh dấu vào ô đồng ý.

O-7 Chọn tên chi nhánh, nhập số tài khoản, ngày sinh, địa chỉ email, nhấn "Gửi mã xác nhận".

O-8 Nhập mã xác nhận nhận được qua email và nhấn "Xác nhận".

07_Hình ảnh sử dụng Nếu quên số khách hàng

O-9

<

お客さま番号再通知

申し込み内容をご確認のうえ、
本人確認を行ってください。

お持ちの当社普通預金口座

支店名

ビーナス支店

▼

口座番号

1234567

① 当社にお持ちの普通預金口座の支店名と口座番号7桁を
ご入力ください。

生年月日

20000101

メールアドレス

uikiraboshi@uibank.co
m

認証完了

↑

次へ

O-10

<

お客さま番号再通知

お客さま情報を
ご確認ください。

郵便番号（半角）

1070062

検索

都道府県・市区町村（全角）

東京都港区南青山

丁目・番地（全角）

0-0-0

建物名（全角）

① お届け先の住所が現住所と異なる場合は本画面で現住所
に修正してください。
お持ちの本人確認書類に記載の住所の通り入力してくだ
さい。

☒

お届け先の住所を上記に変更することに同意し
ます。

↑

次へ

O-11

<

お客さま番号再通知

申し込み内容
ご確認ください。

申し込み情報

支店名

ビーナス支店

口座番号

123456
7

生年月日

20000101

メールアドレス

uikiraboshi@uibank.co
om

お客さま情報

郵便番号

1070062

住所

東京都港区南青山
0-0-0

再通知を申込む

O-12

お申込が完了しました。

受付番号

20240315113307

本人確認

利用案内

↑

ホームへ戻る

O-9 Xác nhận "Xác thực hoàn tất" và nhấn "Tiếp theo".

O-10 Xác nhận địa chỉ đăng ký không có thay đổi, đánh dấu vào ô đồng ý và nhấn "Tiếp theo".

O-11 Xác nhận nội dung đăng ký và nhấn "Đăng ký nhận thông báo lại".

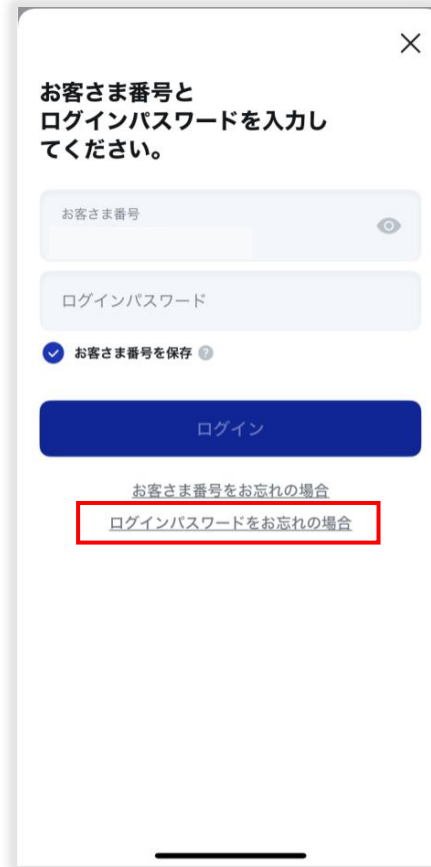
O-12 Nhấn "Xác minh danh tính" để tiến hành xác minh danh tính. *Vui lòng tham khảo trang 17 "Bước 2: Mở tài khoản (Xác minh danh tính)".

07_Hình ảnh sử dụng Khi quên mật khẩu đăng nhập

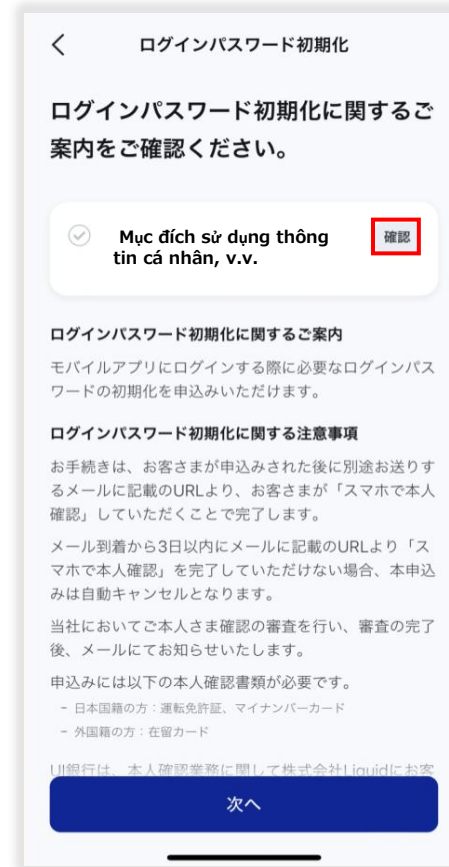
Ro- 1



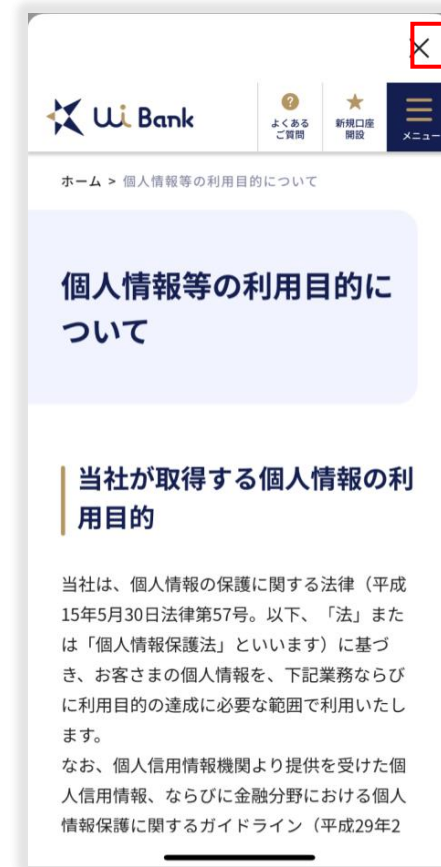
Ro-2



Ro- 3



Ro-4



Ro-1 Nhấn vào "Đăng nhập".

Ro-2 Nhấn vào "Quên mật khẩu đăng nhập".

※Những người đã mở tài khoản bằng giấy chứng nhận kinh nghiệm lái xe và giấy chứng nhận thường trú đặc biệt chỉ có thể đăng ký qua đường bưu điện. Vui lòng liên hệ với trung tâm liên lạc.

Ro-3 Nhấn vào "Xác nhận".

Ro-4 Đọc mục đích sử dụng thông tin cá nhân hiển thị trên màn hình ứng dụng, nhấn vào "×" ở góc trên bên phải.

07_Hình ảnh sử dụng Nếu quên mật khẩu đăng nhập

Ro-5

ログインパスワード初期化

ログインパスワード初期化に関するご案内をご確認ください。

☒ Mục đích sử dụng thông tin cá nhân, v.v. 確認

ログインパスワード初期化に関するご案内

モバイルアプリにログインする際に必要なログインパスワードの初期化を申込みいただけます。

ログインパスワード初期化に関する注意事項

お手続きは、お客さまが申込みされた後に別途お送りするメールに記載のURLより、お客さまが「スマホで本人確認」していただくことで完了します。

メール到着から3日以内にメールに記載のURLより「スマホで本人確認」を完了していただけない場合、本申込みは自動キャンセルとなります。

当社においてご本人さま確認の審査を行い、審査の完了後、メールにてお知らせいたします。

申込みには以下の本人確認書類が必要です。

- 日本国籍の方：運転免許証、マイナンバーカード
- 外国籍の方：在留カード

UI銀行は、本人確認業務に関して株式会社Liquidにお客さまの個人情報を提供しています。上記の約款を必ずお読みください。

次へ

Ro-6

ログインパスワード初期化

外国籍の方：在留カード

UI銀行は、本人確認業務に関して株式会社Liquidにお客さまの個人情報を提供しています。上記の約款を必ずお読みください。

利用案内

- 本申込みはキャンセルできません。
- 申込みの際、以下の項目をすべてご入力いただきます。
 - 当社の普通預金口座番号
 - 当社にお届けいただいている生年月日
 - 当社にお届けいただいているメールアドレス
 - 普通預金口座番号は、キャッシュカードをお持ちのお客さまはキャッシュカードにて確認することができます。
- ご不明な点がある場合は下記コンタクトセンターまでお問い合わせください。
 - UI銀行コンタクトセンター：0120-860-098
 - 受付時間：平日09:00~17:00（土日等銀行休業日を除く）

☒ ログインパスワード初期化に関するご案内及び注意事項を十分理解し、すべての内容に同意します。

次へ

Ro-7

ログインパスワード初期化

申込み内容をご確認のうえ、本人確認を行ってください。

お持ちの当社普通預金口座

支店名
ビナス支店

口座番号
0000000

当社にお持ちの普通預金口座の支店名と口座番号7桁をご入力ください。

生年月日
20000101

メールアドレス
uikiraboshi@uibank.com

認証番号送信

次へ

Ro-8

ログインパスワード初期化

申込み内容をご確認のうえ、本人確認を行ってください。

お持ちの当社普通預金口座

支店名
ビナス支店

口座番号
0000000

認証番号入力

メールアドレス
uikiraboshi@uibank.com

認証番号
1111111 24:54 再送信

メールが届かない場合は、コンタクトセンター0120-860-098までお問い合わせください。

認証する

Ro-5 Xác nhận đã đánh dấu vào ô mục đích sử dụng thông tin cá nhân.

Ro-6 Đánh dấu vào ô đồng ý.

Ro-7 Chọn tên chi nhánh, nhập số tài khoản, ngày sinh, địa chỉ email, nhấn "Gửi mã xác nhận".

Ro-8 Nhập mã xác nhận đã được gửi đến email và nhấn "Xác nhận".

07_Hình ảnh sử dụng Nếu quên mật khẩu đăng nhập

Ro-9

ログインパスワード初期化

メールアドレス
uikiraboshi@uibank.com

認証完了

1 UI銀行にお届け出のメールアドレスをご入力ください。メールが届きますので記載された認証番号を入力してください。認証番号の有効期間は送信より5分です。経過した場合もう一度認証番号を送信してください。

パスワード4桁
●●●●

パスワード4桁 確認
●●●●

1 通常使用するログインパスワードは初回ログイン時に設定していただきます。他人に推測されにくい4桁の番号をご登録ください。以下の番号はご登録できません。
1. ご本人の生年月日の番号の組み合わせ
2. 同じ数字4桁、連続する数字4桁 例) 0000、1234 など
3. 電話番号、携帯電話番号
住所や車のナンバー等推測されやすい番号はご登録できません。

次へ

Ro-10

ログインパスワード初期化

お客さま情報を
ご確認ください。

郵便番号 (半角)
1070062 検索

都道府県・市区町村 (全角)
東京都港区南青山

丁目・番地 (全角)
0-0-0

建物名 (全角)

1 お届け出の住所が現住所と異なる場合は本画面で現住所に修正してください。お持ちの本人確認書類に記載の住所の通り入力してください。

☒ お届け出の住所を上記に変更することに同意します。

次へ

Ro-11

ログインパスワード初期化

申込み内容を
ご確認ください。

申込み情報

支店名 ビーナス支店
口座番号 123456
生年月日 7 20000101
メールアドレス uikiraboshi@uibank.com

お客さま情報

郵便番号 1070062
住所 0-0-0

Đăng ký khởi tạo

Ro-12

お申込が完了しました。

受付番号 20240312180205

本人確認

利用案内

ホームへ戻る

Ro-9 Xác nhận việc xác thực đã hoàn tất và thiết lập mật khẩu 4 chữ số. Nhấn "Tiếp theo".

Ro-10 Xác nhận địa chỉ đăng ký không có thay đổi, đánh dấu vào ô đồng ý và nhấn "Tiếp theo".

Ro-11 Xác nhận nội dung đăng ký và nhấn "Đăng ký khởi tạo".

Ro-12 Nhấn "Xác minh danh tính" để tiến hành xác minh danh tính. *Vui lòng tham khảo trang 17 "Bước 2: Mở tài khoản (Xác minh danh tính)".

07_Hình ảnh sử dụng Đăng ký thiết lập lại mã PIN

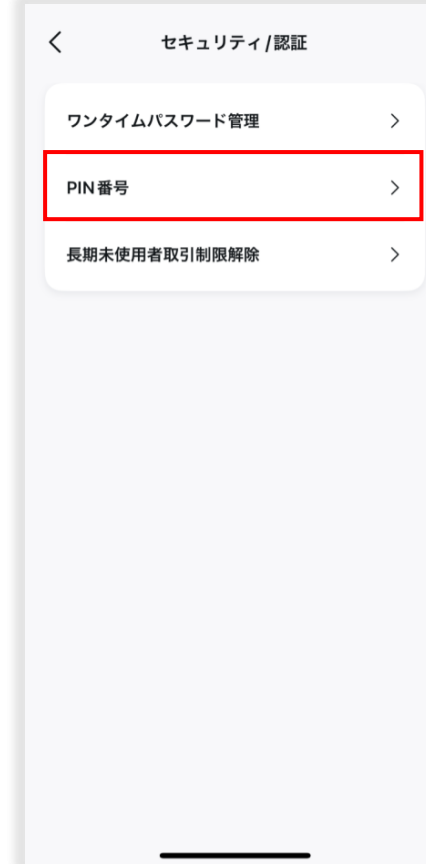
Pi-1



Pi-2



Pi-3



Pi-4



Pi-1 Nhấn "Menu".

Pi-2 「Bảo mật/Xác thực」.

Pi-3 Nhấn vào "Mã PIN".

Pi-4 Nhấn vào "Đăng ký thiết lập lại mã PIN".

Pi-8

PIN番号初期化申込み

本人確認、を完了していただけない場合、本申込みは自動キャンセルとなります。

- 当社においてご本人さま確認の審査を行い、審査の完了後、メールにてお知らせいたします。
- 申込みに以下の本人確認書類が必要です。
 - 日本国籍の方：運転免許証、マイナンバーカード
 - 外国籍の方：在留カード

約款への同意

☒ **Mục đích sử dụng thông tin cá nhân** 確認

利用案内

- 本申込みはキャンセルができません。
- 申込みの際、以下の項目をすべてご入力いただきます。
 - 当社にお届けいただいている生年月日
 - 当社にお届けいただいているメールアドレス
- ご不明な点がございましたらコンタクトセンターへお問い合わせください。
 - UI銀行コンタクトセンター：0120-860-098

次へ

Trượt xuống dưới màn hình

Pi-8 Xác nhận ô về mục đích sử dụng thông tin cá nhân đã được chọn, nhấn "Tiếp theo".

07_Hình ảnh sử dụng Đăng ký khởi tạo lại mã PIN

Pi-9

< PIN番号初期化申込み

申込み内容をご確認のうえ
本人確認を行ってください。

生年月日認証

生年月日
20000101

生年月日を数字8桁でご入力ください。

本人確認

メールアドレス

メールアドレス

登録されたメールアドレスに届いたメールに記載された
認証番号を入力してください。
認証番号の有効期限は認証番号送信より5分です。5分
を経過した場合「認証番号再送」ボタンを押してもう一
度認証番号を送信してください。

次へ

Pi-10

< PIN番号初期化申込み

生年月日認証

生年月日
19980928

生年月日を数字8桁でご入力ください。

認証完了

メールアドレス

メールアドレス
uikiraboshi@uibank.co
m

登録されたメールアドレスに届いたメールに記載された
認証番号を入力してください。
認証番号の有効期限は認証番号送信より5分です。5分
を経過した場合「認証番号再送」ボタンを押してもう一
度認証番号を送信してください。

認証番号送信

次へ

Pi-11

< PIN番号初期化申込み

生年月日認証

生年月日
19980928

生年月日を数字8桁でご入力ください。

認証完了

メールアドレス

認証番号入力

メールアドレス
uikiraboshi@uibank.co
m

認証番号
1111111 04:58 再送信

メールが届かない場合は、コンタクトセンター0120-
860-098までお問い合わせください。

認証する

Pi-12

< PIN番号初期化申込み

生年月日認証

生年月日
20000101

生年月日を数字8桁でご入力ください。

認証完了

メールアドレス

メールアドレス
uikiraboshi@uibank.co
m

登録されたメールアドレスに届いたメールに記載された
認証番号を入力してください。
認証番号の有効期限は認証番号送信より5分です。5分
を経過した場合「認証番号再送」ボタンを押してもう一
度認証番号を送信してください。

認証完了

次へ

- Pi-9 Nhập ngày sinh và nhấn "Xác minh danh tính".
- Pi-10 Xác nhận việc xác thực đã hoàn tất. Nhập địa chỉ email và nhấn "Gửi mã xác thực".
- Pi-11 Nhập mã xác nhận đã được gửi tới email và nhấn "Xác nhận".
- Pi-12 Xác nhận quá trình xác thực đã hoàn tất và nhấn "Tiếp theo".

07_Hình ảnh sử dụng Đăng ký khởi tạo mã PIN

Pi-13

< PIN番号初期化申込み

お客さま情報をご確認ください。

郵便番号（半角）
1070062 検索

都道府県・市区町村（全角）
東京都港区南青山

丁目・番地（全角）
0-0-0

建物名（全角）

☒ お届け先の住所が現住所と異なる場合は本画面で現住所に修正してください。
お持ちの本人確認書類に記載の住所の通り入力してください。

次へ

Pi-14

< PIN番号初期化申込み

申込み内容をご確認ください。

メールアドレス
uikiraboshi@uibank.co

郵便番号
123456

住所
東京都港区南青山
0-0-0

申込み

Pi-15



PIN番号初期化の申込みが完了しました。

ご登録のメールアドレス宛に「スマホで本人確認」が届きます。
本お申込み後に別途お送りするメールに記載のURLより、お客さまが「スマホで本人確認」を完了していただくことでお申込みが完了します。


本人確認はこちら

ホーム

Pi-13 Xác nhận địa chỉ đăng ký không có thay đổi, đánh dấu vào ô đồng ý, nhấn "Tiếp theo".

Pi-14 Xác nhận nội dung đăng ký và nhấn "Đăng ký".

Pi-15 Nhấn vào "Xác minh danh tính tại đây" để tiến hành xác minh danh tính. *Vui lòng tham khảo trang 17 "Bước 2: Mở tài khoản (Xác minh danh tính)".

07_Hình ảnh sử dụng Thay đổi thiết bị (thao tác trên thiết bị cũ)

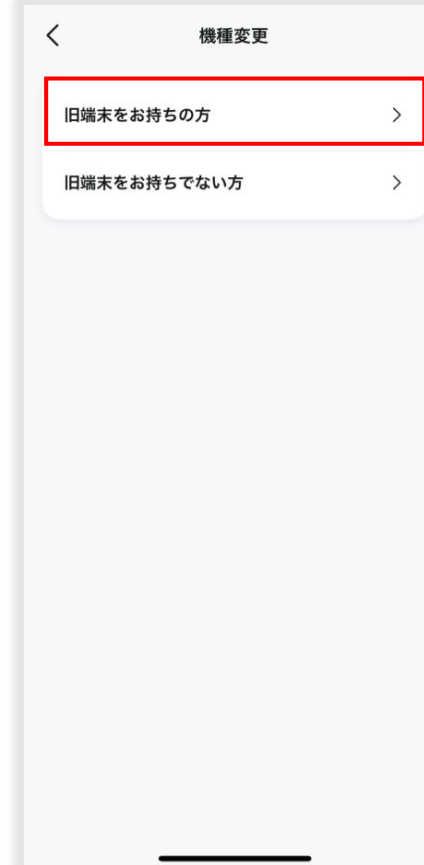
Ki- 1



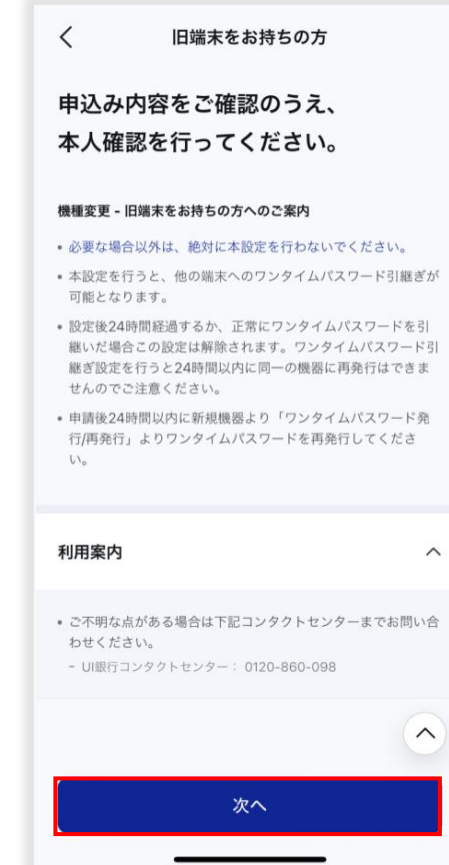
Ki-2



Ki-3



Ki-4



Ki-1 Nhấn nút "Menu".

Ki-2 Nhấn vào "Thay đổi mẫu máy".

Ki-3 Nhấn vào "Người dùng còn giữ thiết bị cũ".

Ki-4 Nhấn vào "Tiếp theo".

07_Hình ảnh sử dụng Thay đổi thiết bị (thao tác trên thiết bị cũ)

Ki-5

< 旧端末をお持ちの方

Sau khi xác nhận nội dung đăng ký, 本人確認を行ってください。

機種変更 - 旧端末をお持ちの方へのご案内

PIN 番号入力

● ● ● ● ● ●

9	7	5
2	8	1
3	0	4
↺	6	↵

Ki-6



機種変更の申込みが完了しました。

24時間以内に新端末で
ワンタイムパスワード発行手続きをしてください。

ホームへ戻る

Ki-7

Nếu bạn không có thiết bị cũ,
vui lòng liên hệ với Trung tâm liên lạc ngân hàng UI

【Trung tâm liên lạc ngân hàng UI】
0120-860-098
Hệ thống tự động: Vui lòng chọn số 2.
Giờ làm việc: 9:00~17:00
các ngày trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và các ngày nghỉ của ngân hàng)

Ki-5 Nhập mã PIN.

Ki-6 Hoàn tất thao tác trên thiết bị cũ. Vui lòng thực hiện thủ tục phát hành mật khẩu dùng một lần trên thiết bị mới trong vòng 24 giờ.

※Nếu đã quá 24 giờ, hãy thực hiện lại thao tác thay đổi thiết bị.

Ki-7 Nếu bạn không còn giữ thiết bị cũ, vui lòng liên hệ với trung tâm liên lạc.

07_Hình ảnh sử dụng Thay đổi mẫu máy (vận hành trên thiết bị mới)



Ki-8 Nhấn "Menu".

Ki-9 Nhấn vào "Bảo mật/Xác thực".

Ki-10 Nhấn vào "Quản lý mật khẩu dùng một lần".

ki-11 Nhấn vào "Phát hành/Phát hành lại mật khẩu dùng một lần".

07_Hình ảnh sử dụng Thay đổi mẫu máy (vận hành trên thiết bị mới)

Ki-12

Ki-13

Ki-14

Ki-15

Trượt xuống dưới màn hình

Ki-12 Đọc hướng dẫn và lưu ý về mật khẩu dùng một lần, sau đó trượt xuống dưới màn hình.

Ki-13 Đánh dấu vào nút đồng ý và nhấn "Tiếp theo".

Ki-14 Nhập ngày sinh và nhấn "Xác minh danh tính".

Ki-15 Xác nhận quá trình xác thực đã hoàn tất, nhấn "Tiếp theo".

07_Hình ảnh sử dụng Thay đổi mẫu máy (vận hành trên thiết bị mới)

Ki-16

Ki-17

Ki-18

Ki-19

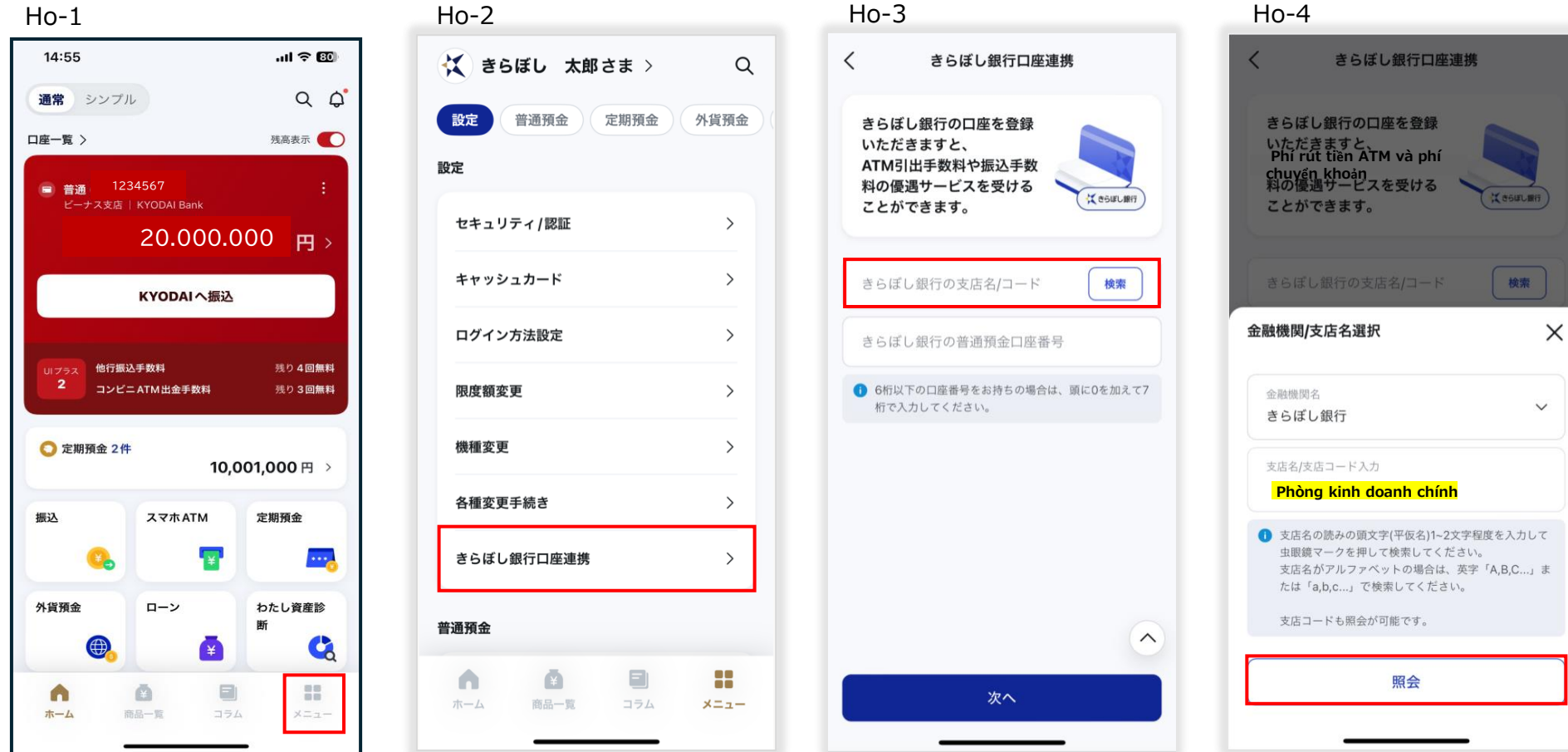
Ki-16 Nhấn "Mã PIN (6 chữ số)".

Ki-17 Nhập mã PIN (6 chữ số).

Ki-18 Để xác nhận, nhập lại mã PIN. Xác nhận nhập liệu và nhấn "Phát hành/Phát hành lại".

Ki-19 Nhấn "Xác nhận" và đăng nhập lại. Quá trình thay đổi mẫu máy đã hoàn tất.

07_Hình ảnh sử dụng Liên kết tài khoản ngân hàng Kiraboshi



Ho-1 Nhấn vào "Menu".

Ho-2 Nhấn vào "Liên kết tài khoản ngân hàng Kiraboshi".

Ho-3 Nhấn vào "Tên chi nhánh/mã số Kiraboshi Bank" để chuyển sang màn hình nhập tên chi nhánh. Nhấn vào "Tìm kiếm" cũng sẽ chuyển sang màn hình nhập tên chi nhánh.

Ho-4 Nhập tên chi nhánh hoặc mã chi nhánh, nhấn "Tra cứu".

07_Hình ảnh sử dụng Liên kết tài khoản ngân hàng Kiraboshi

Ho-5

Ho-6

Ho-7

Ho-8

Ho-5 Nhấn vào cửa hàng tương ứng trong các lựa chọn xuất hiện khi tra cứu.

Ho-6 Xác nhận tên chi nhánh đã chọn và nhập số tài khoản tiết kiệm thông thường của Ngân hàng Kiraboshi. Nhấn "Tiếp theo".

※ Nếu số tài khoản có dưới 6 chữ số, hãy thêm số 0 vào đầu để thành 7 chữ số.

Ho-7 Xác nhận nội dung đăng ký và nhấn "Đăng ký liên kết tài khoản Kiraboshi Bank".

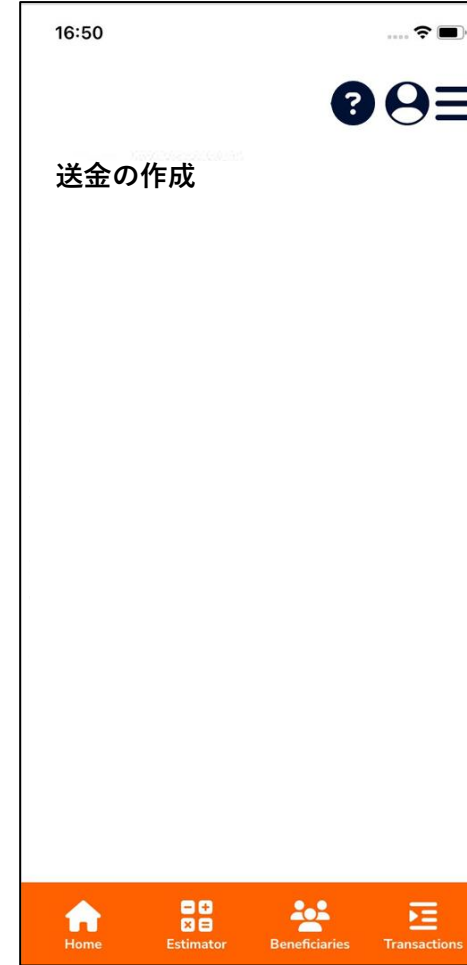
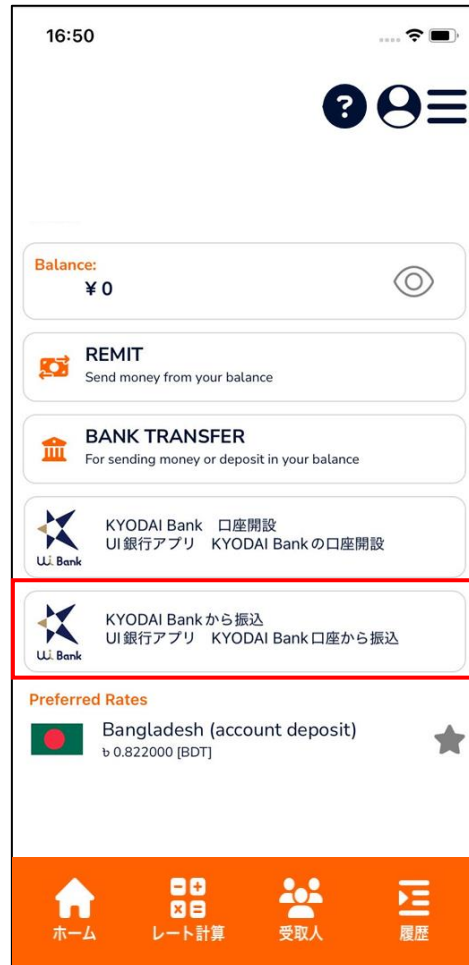
Ho-8 Kết nối tài khoản Kiraboshi Bank đã hoàn tất. Giai đoạn UI Plus sẽ được phản ánh vào tháng thứ hai sau tháng đăng ký.

Thuật ngữ

Số khách hàng	Đây là số gồm 10 chữ số được sử dụng để đăng nhập vào ứng dụng ngân hàng UI.
Mật khẩu đăng nhập lần đầu	Sử dụng một lần duy nhất khi đăng nhập lần đầu tiên sau khi đăng ký mở tài khoản. Sau khi đăng nhập lần đầu, bạn sẽ thay đổi mật khẩu thành một chuỗi gồm 8 đến 12 ký tự và số (có phân biệt chữ hoa và chữ thường).
Mật khẩu	Đây là mật khẩu được sử dụng để đăng nhập vào ứng dụng ngân hàng UI.
Mã PIN	Đây là số gồm 6 chữ số được sử dụng khi giao dịch, nhằm tăng cường tính bảo mật cho giao dịch.
Mật khẩu dùng một lần	Mật khẩu dùng một lần là mật khẩu chỉ sử dụng một lần, được sử dụng để tăng cường tính bảo mật cho giao dịch. Mật khẩu dùng một lần đã sử dụng không thể sử dụng lại. Để tạo mật khẩu dùng một lần, bạn cần có mã PIN.
Mật mã ATM trên điện thoại thông minh	Đây là mã số gồm 4 chữ số được nhập khi thực hiện giao dịch gửi tiền hoặc rút tiền bằng điện thoại thông minh tại ATM của Ngân hàng Seven Bank và Ngân hàng Lawson.
Mật mã thẻ ATM	Đây là số gồm 4 chữ số được sử dụng khi sử dụng thẻ ATM.

KYODAI Bank

Chuyển tiền ra nước ngoài từ tài khoản
KYODAI Bank







KYODAI Bank